TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 04 – 2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thủy;

2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 000, ấp 2, xã 4, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T chung sống với nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2011, đăng ký kết hôn ngày 25/03/2011 tại UBND xã 4, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn, Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T có

quen biết, tìm hiểu trước. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện không ai cưỡng ép, hay lừa dối kết hôn. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh chị bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2012 cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau, do vợ chồng không có gặp gỡ và liên lạc với nhau để hàn gắn. Hiện nay Anh Nguyễn Văn N không còn tình cảm vợ chồng với Chị Trương Thị Mỹ T. Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 03/6/2012. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu T1 sống với Anh N. Trong thời gian chung sống với nhau, anh chị không có tạo ra tài sản chung gì, không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

Nay Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N yêu cầu ly hôn với Chị Trương Thị Mỹ T.

- Về con chung: Anh N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 03/6/2012 đến khi thành niên, không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Chị Trương Thị Mỹ T không có ý kiến trình bày.*

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn N: Cho Anh Nguyễn Văn N được ly hôn với Chị Trương Thị Mỹ T; Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 03/6/2012 cho Anh Nguyễn Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T1 thành niên, Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 16/9/2019 của Anh Nguyễn Văn N (bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Anh Nguyễn Văn N (bản sao chứng thực).

- Giấy chứng nhận kết hôn giữa Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T (bản chính).

- Giấy khai sinh của Nguyễn Thị Mỹ T1 (bản sao).

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).

- Bản tự khai của cháu Nguyễn Thị Mỹ T1 (bản chính).

- Đơn xin vắng mặt của Anh Nguyễn Văn N (bản chính).

- Biên bản xác minh ngày 11/02/2020 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trương Thị Mỹ T cư trú tại ấp 2, xã 4, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn N vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, Chị Trương Thị Mỹ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/03/2011 tại UBND xã 4, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện không ai cưỡng ép, hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh Nguyễn Văn N xác định: Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh chị bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2012 cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau, do vợ chồng không có gặp gỡ và liên lạc với nhau để hàn gắn. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Nguyễn Văn N đối với Chị Trương Thị Mỹ T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ lúc Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T ly thân cho đến nay, cháu Nguyễn Thị Mỹ T1 sống với Anh N. Mặt khác, nguyện

vọng của cháu T1 là được sống với Anh N. Đồng thời, tránh việc thay đổi môi trường sống của cháu. Nên cần tiếp tục giao cháu T1 cho Anh N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T1 thành niên. Do Anh N không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Anh N xác định anh và Chị T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của Chị T, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn N.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N được ly hôn với Chị Trương Thị Mỹ T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 03/6/2012 cho Anh Nguyễn Văn N được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn Thị Mỹ T1 thành niên. Chị Trương Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con, do Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn N và Chị Trương Thị Mỹ T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Trương Thị Mỹ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/0008235 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Thanh Bình. Anh Nguyễn Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị Mỹ T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 4;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bạch Phiến